

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

-----

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

**BÁO IN CẤP CHO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ  
VÀ MIỀN NÚI TIẾP CẬN TỪ TRUYỀN THÔNG  
PHÁT TRIỂN**

**Chuyên ngành: Báo chí học  
Mã số: 62 32 01 01**

**DỰ THẢO TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC**

**Hà Nội, 2020**

**Luận án được hoàn thành tại:**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Phạm Văn Linh**

**Phản biện:**

**Phản biện:**

**Phản biện:**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm Luận án tiến sĩ họp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm ...

***Có thể tìm hiểu Luận án tại:***

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin thư viện - Đại học Quốc gia Hà Nội

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2016), “Báo chí cấp phát góp phần giữ gìn bản sắc riêng của các dân tộc”, *Tạp chí Người làm báo*, Tháng 03/2016, số 385 tr.54-55.

2. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2017), “Báo in miễn phí: Truyền thông về bảo hiểm xã hội cho đồng bào dân tộc”, *Tạp chí Người làm báo*, Tháng 12/2017, số 406 tr.20-21.
3. Thành viên tham gia biên soạn “Truyền thông phát triển - Truyền thông dân tộc: Những vấn đề lý luận và thực tiễn (Nghiên cứu trường hợp Tây Bắc, Việt Nam)”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.
4. Nguyễn Thị Thanh Thủy, “Một số trao đổi về công chúng vùng dân tộc thiểu số và miền núi”, *Báo chí truyền thông: Những vấn đề trọng yếu*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, Tr.330 - 335.
5. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2020), “Báo chí dành cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi”, *Tạp chí Người làm báo*, Tháng 12/2020, số 442 tr.41-43.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số với 14.119.256 người, 3.350.756 hộ (chiếm 14,7% dân số cả nước), cư trú thành cộng đồng ở 51 tỉnh, thành phố, 548 huyện, 5.266 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 382 xã biên giới (tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia). Địa bàn cư trú chủ yếu ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung, chiếm  $\frac{3}{4}$  diện tích cả nước.

Đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức độ rất thấp so với bình quân chung cả nước: Còn hơn 20,8% người dân tộc thiểu số trên 15 tuổi chưa đọc thông viết thạo tiếng Việt; khoảng 30% học sinh dân tộc thiểu số chưa được đi học đúng độ tuổi; mức tiếp cận các dịch vụ y tế còn nhiều khó khăn, tỷ lệ được cấp thẻ BHYT cao nhưng tỷ lệ khám, chữa bệnh còn thấp, tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám định kỳ mới đạt 71%, tỷ lệ sinh con tại nhà là 36%, trẻ em suy dinh dưỡng là 32%; gần 1/3 số hộ dân tộc thiểu số chưa được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh; hơn 15,3% số hộ gia đình người dân tộc thiểu số ở nhà tạm, đặc biệt có 14 dân tộc có tỷ lệ nhà ở tạm gần 50%; 2/3 số hộ dân tộc thiểu số chưa có nhà xí hợp vệ sinh. Thu nhập bình quân của hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở nhiều nơi chỉ bằng 40-50% bình quân thu nhập trong khu vực; tỷ lệ dân tộc thiểu số chiếm 14,7% nhưng tỷ lệ hộ nghèo chiếm 57,16% tổng số hộ nghèo của cả nước. Một nhóm dân tộc thiểu số có tỷ lệ hộ nghèo đang ở mức rất cao như: Ô Đu, Co, Khơ Mú, Xinh Mun, La Ha, Kháng, Mông và Xơ Đăng...

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chủ yếu là núi cao, biên giới, địa hình chằng chịt, khí hậu khắc nghiệt, kết cấu hạ tầng kém nhất cả nước, xuất phát điểm rất thấp; biến đổi khí hậu, sự cố môi trường (sạt lở đất, xâm nhập mặn ở đồng bằng Sông Cửu Long; lũ ống, lũ quét ở các tỉnh Tây Bắc; hạn hán ở các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung...) diễn ra nghiêm trọng và khó lường.

Đầu tư của Nhà nước cho các lĩnh vực xã hội ngày càng tăng nhưng tính bền vững của sự phát triển vẫn chưa được quan tâm đúng mức và vẫn còn những tồn tại.

Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cần có một mạng lưới thông tin liên mạch, thông suốt, liên tục từ trung ương đến địa phương, gắn kết các tỉnh trong cả nước, giữa các cấp quản lý, các nhà hoạch định chính sách tới

người dân, giữa các nhà hoạch định chính sách với các nhà đầu tư và người sản xuất.

Để giữ vững sự ổn định về chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cần tập trung tuyên truyền để đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước lan tỏa, được thấu hiểu, được vận dụng và triển khai trong đời sống, mang lại giá trị thiết thực cho người dân. Mặt khác, cần đáp ứng quyền được thụ hưởng văn hóa, thông tin của người dân.

Việc tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá thực trạng nhu cầu, điều kiện, thói quen, tâm lý tiếp nhận và ý kiến đánh giá của công chúng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với nội dung và hình thức các sản phẩm truyền thông dành cho họ; nghiên cứu, đánh giá tác động của truyền thông đối với đồng bào, và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác truyền thông phục vụ phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi là việc làm cần thiết và cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Do vậy NCS đã chọn đề tài nghiên cứu “*Báo in cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi tiếp cận từ truyền thông phát triển*”.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở hệ thống hóa các lý luận liên quan đến đề tài, luận án nghiên cứu, đánh giá thành công và hạn chế của báo in cấp cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, từ đó, đề xuất giải pháp, khuyến nghị nhằm giúp cho báo chí nói chung, báo in dành cho đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

*Thứ nhất*, hệ thống hóa và làm rõ các lý luận liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án, cụ thể như: Truyền thông, truyền thông phát triển, các lý thuyết truyền thông, lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự, lý thuyết sử dụng và hài lòng...

*Thứ hai*, phân tích, đánh giá thành công và hạn chế của báo in cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi tiếp cận từ truyền thông phát triển.

*Thứ ba*, đề xuất giải pháp, khuyến nghị nhằm giúp báo chí nói chung, báo in nói riêng phục vụ tốt hơn cho cộng đồng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu:**

Các ấn phẩm báo in được phát miễn phí dành cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu:**

Đề tài nghiên cứu các ấn phẩm báo in dành riêng cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong thời gian từ năm 2015-2020.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

### **4.1. Phương pháp luận:**

Đề tài khai thác một cách có hệ thống các luận điểm của của C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí truyền thông và vấn đề phát triển bền vững, đặc biệt dựa vào quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển bền vững trong thời kỳ đổi mới để tạo cơ sở định hướng cho hoạt động nghiên cứu của mình.

Về phương diện lý thuyết khoa học, tác giả tham khảo rộng rãi các lý thuyết khoa học đã và đang được áp dụng để nghiên cứu về truyền thông phát triển và truyền thông dân tộc trên thế giới; từ đó vận dụng vào điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở Việt Nam.

**4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể:** Phương pháp nghiên cứu, phân tích tài liệu, Phương pháp phân tích nội dung, Phương pháp nghiên cứu trường hợp, Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, Phương pháp phỏng vấn nhóm, Phương pháp phỏng vấn sâu, Các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp

## **5. Giả thuyết nghiên cứu**

*Giả thuyết 1:* Trong các kênh truyền thông phục vụ đồng bào dân tộc và thiểu số, kênh báo in vẫn đóng vai trò quan trọng, nhằm giúp đồng bào có khả năng lưu giữ thông tin, đọc đi đọc lại nhiều lần cho thấu hiểu, và được sử dụng như tài liệu phục vụ các cuộc họp thôn, xóm, bản.

*Giả thuyết 2:* Mặc dù Đảng và Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ, cấp phát báo in miễn phí dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tuy nhiên, công chúng đóng nhận còn nhiều hạn chế, không chỉ do việc phát hành báo chí còn khó khăn, mà còn vì chất lượng về nội dung và hình thức chuyển tải thông tin của các tờ báo còn nhiều hạn chế.

*Giả thuyết 3:* Nâng cao chất lượng của các tờ báo in được cấp phát miễn phí dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không chỉ là mong mỏi của đồng bào, mà còn là sự trăn trở của các cấp lãnh đạo, chỉ đạo báo chí, và lãnh đạo các cơ quan báo chí. Khảo sát, nghiên cứu đánh giá chất lượng báo in dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, từ đó, đề xuất các giải pháp thiết thực nâng cao chất lượng sản phẩm báo chí này, có ý nghĩa cấp thiết và cần thiết, cho cả đơn vị đặt hàng, cho đơn vị sản xuất ấn phẩm, và cả những người thụ hưởng các sản phẩm báo chí này.

## **6. Điểm mới của luận án**

Đề tài hệ thống hóa cơ sở lý luận, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về vai trò của báo in cấp miễn phí cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, dưới góc nhìn của truyền thông phát triển[1] Góp phần làm sáng rõ và phong phú hơn lý luận về vai trò của truyền thông qua kênh báo in đối với phát triển bền vững[2]Chỉ ra những thành công, hạn chế, nguyên nhân thành công và hạn chế của báo in miễn phí dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng của hệ thống báo in này [3]

## **7. Đóng góp của luận án**

- Đề tài sẽ đề xuất với Đảng và Nhà nước (đặc biệt là các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí như Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam) các luận điểm khoa học để hoạch định một số chính sách nhằm tăng cường hoạt động của báo in miễn phí phục vụ phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng, phát triển bền vững Việt Nam nói chung.

Kết quả nghiên cứu của đề tài giúp lãnh đạo các địa phương, các cơ quan, ban, ngành chức năng trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi nhận thức rõ hơn vai trò của truyền thông, đặc biệt là kênh báo in, phương thức, cơ chế, nội dung và hình thức của báo in miễn phí dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm thay đổi hành vi, nhận thức của người tiếp nhận.

Những kết quả nghiên cứu và đề xuất của đề tài có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với các bên liên quan, các thành phần tham gia vào quá trình xây dựng và triển khai thực hiện mục tiêu phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

## **8. Kết cấu của Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục hình vẽ, bảng biểu, danh mục chữ viết tắt, mục lục, phụ lục, nội dung chính của luận án gồm 4 chương:

Chương I: Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài.

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn của báo in dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Chương 3: Khảo sát thực trạng báo in dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Chương 4: Vấn đề đặt ra và giải pháp nâng cao chất lượng báo in dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

## **Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

### **1.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài**

#### **Các nghiên cứu về vai trò của báo chí**

Các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra ảnh hưởng đặc biệt của truyền thông đại chúng tới nhóm công chúng nhạy cảm, Những lo ngại vấn đề tranh luận nổi bật trong các nguyên cứu về tác động của truyền thông [62].

Cách truyền thông lựa chọn tin nổi bật và cách truyền thông làm nổi bật tin tức này qua việc lựa chọn và đưa tin hàng ngày, người cung cấp tin tức định hướng sự chú ý của công chúng và tác động lên nhận thức của họ về vấn đề gì là quan trọng nhất, hay vấn đề nào quan trọng hơn vấn đề nào. truyền thông đại chúng không áp đặt công chúng ‘nghĩ cái gì’ nhưng thành công trong việc tác động đến điều mà người ta nghĩ đến.

#### **Các nghiên cứu về phát triển và phát triển bền vững**

Năm 1987, trong Báo cáo "Tương lai chung của chúng ta" của Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên hợp quốc, "phát triển bền vững" được định nghĩa "là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau".

Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002 đã xác định "phát triển bền vững" là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).

Từ sau Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển được tổ chức tại Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 đến nay đã có 113 nước trên thế giới xây dựng và thực hiện Chương trình nghị sự 21 về phát triển bền vững cấp quốc gia và 6.416 Chương trình nghị sự 21 cấp địa phương, đồng thời tại các nước này đều đã thành lập các cơ quan độc lập để triển khai thực hiện chương trình này. Các nước trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan,



Singapore, Malaysia...đều đã xây dựng và thực hiện Chương trình nghị sự 21 về phát triển bền vững.

## **1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước**

### **Các nghiên cứu về phát triển bền vững**

Có khá nhiều các công trình nghiên cứu về phát triển bền vững ở Việt Nam, một trong những công trình đầu tiên được triển khai tại Nhóm nghiên cứu miền núi, tiền thân của Tổ công tác miền núi (Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường) thực hiện từ thập niên 80 của thế kỷ XX trong chương trình cấp Nhà nước “Nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường 1981-1985.

Cho đến nay, nhiều công trình đã xuất bản nghiên cứu các khía cạnh của vấn đề phát triển bền vững ở Việt Nam, đơn cử như “Phát triển bền vững ở Việt Nam: Báo cáo của tổ chức ngoài chính phủ của Việt Nam” (WWF, 2002), “Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam thời kỳ 2011-2020” (2010), “Phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam (2007). Một số nghiên cứu về kinh nghiệm của nước ngoài, như cuốn ‘Khung thể chế phát triển bền vững của một số nước Đông Nam Á và bài học cho Việt Nam’ (2011) của tác giả Lưu Bách Dũng.

Một số công trình đã công bố các nghiên cứu về vấn đề phát triển bền vững gắn liền với các khu vực quan trọng trong cả nước, như cuốn ‘Hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên’ (Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú, 2014), “Văn hóa cổ truyền ở Tây Nguyên trong phát triển bền vững” (2012) do Viện phát triển bền vững vùng Tây Nguyên xuất bản, “Môi trường và phát triển bền vững vùng núi Đông Bắc trong giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa” (2008), ‘Phát triển bền vững kinh tế vùng Trung Bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa’ (Bùi Đức Hùng, 2013),...

Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập đến vai trò của truyền thông đối với phát triển bền vững, đặc biệt là truyền thông cho đồng bào dân tộc thiểu số, cho một địa bàn địa chiến lược quan trọng

### **Các nghiên cứu về vai trò của truyền thông, truyền thông phát triển, và vai trò của báo chí đối với phát triển**

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vai trò, chức năng, nguyên tắc hoạt động và hiệu quả của báo chí, ví dụ như “Cơ sở lý luận báo chí truyền thông” (của các tác giả Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hương và

Trần Quang, đã tái bản nhiều lần), “Truyền thông đại chúng và phát triển xã hội” (2008), “Báo chí truyền thông và kinh tế văn hóa xã hội” (2005), “Tác động của những phương tiện truyền thông mới đối với đời sống văn hóa của cư dân đô thị ở Việt Nam” (2006), bộ sách 9 tập ‘Báo chí – Những vấn đề lý luận và thực tiễn’ do khoa Báo chí và Truyền thông (ĐH KHXH và NV) xuất bản, ...

Một vài bài viết mới dừng lại ở mức độ giới thiệu về khái niệm truyền thông phát triển như “Truyền thông phát triển - một hướng đi mới cho báo chí ở các nước phát triển” (Nguyễn Minh Nguyệt, 2008), hay “Truyền thông phát triển và liên hệ Việt Nam” (Thương Sobey, 2011). Các tác giả của những bài viết này mới trình bày những ý tưởng cơ bản về truyền thông phát triển và gợi mở cho những nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng thực tế trong nước.

**Tiểu kết:** Tác giả tóm lược nội dung một số công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam và quốc tế liên quan đề tài, lĩnh vực nghiên cứu của luận án. Các công trình nghiên cứu ở các góc độ, khía cạnh khác nhau liên quan truyền thông đại chúng, truyền thông phát triển, truyền thông dân tộc đều đánh giá mục tiêu truyền thông do các chủ thể truyền thông đưa ra.

## **Chương 2. LÝ LUẬN CHUNG VỀ BÁO CHÍ DÀNH CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TIẾP CẬN TỪ TRUYỀN THÔNG PHÁT TRIỂN**

### **2.1. Truyền thông và truyền thông phát triển**

#### **2.1.1. Khái niệm truyền thông và truyền thông phát triển**

Truyền thông đại chúng là một dạng thức truyền thông đặc biệt trong lịch sử loài người - khi mà người truyền thông tin có thể truyền tải thông điệp cho đông đảo quần chúng về số lượng và rộng khắp về địa lý - điều mà các cách thức truyền thông trước đó không thể nào có được.

Hoạt động truyền thông cho các nhóm dân tộc thiểu số với nhu cầu và mối quan tâm riêng, cũng chính là một dạng thức của truyền thông “phi đại chúng” hay còn gọi là truyền thông chuyên biệt.

Thuật ngữ “Truyền thông phát triển” (development communication, viết tắt là DevCom) lần đầu tiên được Nora C. Quebral (1972) đưa ra trong tác phẩm “Truyền thông phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp”,

Truyền thông là quá trình liên tục trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm... chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm giữa hai hoặc nhiều người nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, thay đổi nhận thức, tiến tới điều chỉnh hành vi và thái độ phù hợp với nhu cầu phát triển của cá nhân, của nhóm, của cộng đồng và xã hội.

### **2.1.2. Nội dung cơ bản của truyền thông phát triển**

Về cơ bản, truyền thông phát triển là sự kết hợp của: Truyền thông nhằm phổ biến kiến thức/truyền bá cái mới. Lý thuyết phổ biến kiến thức/truyền bá cái mới được phát triển dựa trên những giả thuyết cho rằng, việc thiếu các ý tưởng mới sẽ dẫn đến sự kém phát triển và truyền thông được sử dụng như một công cụ để thuyết phục các nhóm công chúng mục tiêu (thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và phi đại chúng, như người lãnh đạo dư luận opinion leaders,...). Nội dung cơ bản của truyền thông phát triển gồm:

*Thứ nhất*, truyền thông phát triển là truyền thông gắn với thay đổi xã hội theo hướng tiến bộ. *Thứ hai*, truyền thông phục vụ phát triển xã hội, là sự kết hợp truyền thông một cách chiến lược trong các dự án phát triển. là một công cụ mạnh mẽ có thể cải thiện cơ hội thành công của dự án phát triển. có nhiều cách hiểu và cách tiếp cận khác nhau, tuy nhiên, các nhà nghiên cứu đều chia sẻ ý tưởng chung của khái niệm này là sử dụng truyền thông để thúc đẩy phát triển xã hội, phục vụ mục tiêu phát triển của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. *Thứ ba*, truyền thông phát triển là được thực hiện một phương pháp tiếp cận đặc biệt là phương pháp tham gia (participatory method).

### **2.1.3. Một số mô hình truyền thông phát triển**

Không có mô hình nào duy nhất đúng và đủ. Việc vận dụng tùy thuộc vào từng mục tiêu, từng nhóm đối tượng, từng nội dung và hoàn cảnh cụ thể, cũng như phát huy được hết vai trò của các bên tham gia, từ chính quyền, các tổ chức đoàn thể, báo chí truyền thông, các doanh nghiệp, nhà khoa học, đến người dân.

### **2.2.1. Quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương, chính sách dân tộc, với nội dung cơ bản là: “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển”. Trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những

thành tựu to lớn góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước.

### **2.2.2. Chính sách về báo chí dành cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

Nhận thức vai trò to lớn của báo chí đối với đồng bào dân tộc thiểu số, Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm và có nhiều chính sách đưa sản phẩm báo chí truyền thông tới đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Bắt đầu từ năm 1991, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý tiến hành cấp miễn phí 5 ấn phẩm báo in cho các địa phương thuộc vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Bắt đầu từ năm 2015, việc “Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi (DTTS và MN), vùng đặc biệt khó khăn” được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo giai đoạn 2-3 năm, để đảm bảo việc rà soát, nâng cao chất lượng các ấn phẩm thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, và theo từng năm danh sách các tờ báo được lựa chọn có thể khác nhau, tùy thuộc vào chất lượng phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Mới nhất, Quyết định 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp 19 ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn” giai đoạn 2019 – 2021.

### **2.3. Đặc điểm của báo in và vai trò của báo in đối với đồng bào dân tộc và miền núi**

Hiện nay, đồng bào DTTS & MN ở Việt Nam đang tiếp cận thông tin qua nhiều kênh khác nhau như qua các phương tiện truyền thông đại chúng, các chương trình tuyên truyền, cô đọng bằng các pano, áp phích, băng, đĩa, tờ rơi của Nhà nước, các đội văn hóa thông tin lưu động, thông tin truyền khẩu thông qua các già làng, trưởng bản, người có uy tín... Mỗi kênh thông tin đều có vai trò nhất định trong đời sống hàng ngày của đồng bào DTTS & MN.

Tuy nhiên, báo chí, trong đó, báo in đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động truyền tải thông tin tới vùng đồng bào DTTS & MN. Đây là kênh thông tin chính thống và chính thức để truyền tải thông tin về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tới đồng bào DTTS & MN.

#### **2.3.1. Đặc điểm của báo in**

Báo in có khả năng lưu giữ văn bản; Chi phí sản xuất sản phẩm thấp hơn các loại hình báo chí khác; Đa dạng về chủng loại; Sản phẩm dễ sử dụng, dễ vận chuyển; Độc giả chủ động tiếp nhận thông tin...

### **2.3.2. Một số phương thức tiếp cận và truyền tải thông tin khác**

Ngoài báo chí, đồng bào DTTS & MN còn tiếp cận thông tin qua các hình thức khác như tuyên truyền, cô đọng bằng các pano, áp phích, băng, đĩa, tờ rơi. Song song với các loại hình tuyên truyền hiện đại, vùng đồng bào DTTS & MN còn có loại hình thông tin truyền khẩu thông qua các già làng, trưởng bản, người có uy tín, bộ đội biên phòng, đội ngũ thầy cô giáo, y bác sĩ khá hiệu quả.

## **2.4. Báo in dành cho đồng bào dân tộc và miền núi dưới góc nhìn của lý thuyết “Thiết lập chương trình nghị sự” và Lý thuyết “sử dụng và hài lòng”**

### **2.4.1. Báo in dành cho đồng bào dân tộc và miền núi dưới góc nhìn của lý thuyết “Thiết lập chương trình nghị sự”.**

Ở góc độ sinh học hay góc độ truyền thông thì tần suất và cường độ thông tin đều đóng vai trò quan trọng đối với việc thu hút sự quan tâm, cung cấp kiến thức, kỹ năng cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Thông tin nhắc đi nhắc lại nhiều lần, trong thời gian dài, từ nhiều góc độ khác nhau sẽ tạo sự quan tâm của đồng bào vùng dân tộc thiểu số, miền núi; từ đó, dần dần xây dựng nền móng nhận thức.

### **2.4.2. Báo in dành cho đồng bào dân tộc và miền núi dưới góc nhìn của lý thuyết “Sử dụng và hài lòng”**

Sự hài lòng đối với đồng bào dân tộc chịu tác động ảnh hưởng từ người có uy tín, già làng, trưởng bản... Do vậy, tác động, làm thay đổi nhận thức những đối tượng này sẽ nhận được sự lan tỏa trong cộng đồng.

## **2.5. Tiêu chí đánh giá chất lượng báo in cấp cho đồng bào dân tộc và miền núi tiếp cận từ truyền thông phát triển**

**2.5.1. Tiêu chí đánh giá về nội dung:** Để giữ vững sự ổn định về chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cần tập trung tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung, đặc biệt những chính sách của Đảng và Nhà nước dành riêng cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, để các chính sách đó thực sự được lan tỏa, được thấu hiểu, được vận dụng và triển khai trong đời sống, mang lại giá trị thiết thực cho người dân.

(1) Thông tin tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (2) Thông tin về phát triển kinh tế, tiềm năng phát triển kinh tế của vùng dân tộc thiểu số và miền núi (3) Thông tin về bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số và miền núi (4) Thông tin về khoa giáo (5)

Thông tin về bảo vệ môi trường (6) Thông tin về an ninh trật tự, an toàn xã hội (7) Thông tin về gương điển hình.

### **2.5.2. Tiêu chí đánh giá về hình thức**

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đối với người làm công tác tuyên truyền phải có cách tuyên truyền phù hợp với đối tượng, với hoàn cảnh, cách nói, cách viết phải ngắn gọn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra phương pháp tuyên truyền sao cho đạt hiệu quả “Người tuyên truyền bao giờ cũng phải tự hỏi: Viết cho ai xem? Nói cho ai nghe? Nếu không vậy, thì cũng như cố ý không muốn cho người ta nghe, không muốn cho người ta xem” .

(1) Thể loại báo chí được sử dụng thể loại báo chí chuyên sâu, đòi hỏi tư duy suy luận, trừu tượng không phù hợp với đồng bào. Tin, bài phản ánh, báo ảnh là thể loại báo chí chủ yếu có thể chuyển tải thông tin tới đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. (2) Ngôn ngữ thể hiện cần thông dụng, đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, nhiều minh họa, nhiều hình ảnh. Riêng với báo chí dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bác Hồ gọi là “báo chữ to”, nghĩa là chữ phải to, tranh, ảnh phải lớn, đẹp, rõ ràng, nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ thì đồng bào mới dễ tiếp thu, đón nhận. (3) Cách trình bày phù hợp với bản sắc, văn hóa của đồng bào, chẳng hạn như: Trình bày với nhiều màu sắc, hài hòa; hình ảnh minh họa dễ hiểu và quan trọng là hình ảnh gắn với đời sống của đồng bào...

### **2.5.3. Tiêu chí đánh giá về hiệu quả**

#### **2.5.3.1. Mức độ công chúng tiếp cận, ghi nhớ thông tin**

Khả năng ghi nhớ khái niệm, biết tới có sự hiện diện của từ khóa liên quan nội dung thông tin khi được nhắc tới, sau đó tới cấp độ nhớ sâu, có tư duy các cấp độ về khái niệm, nội dung liên quan. Khi được hỏi về một chính sách, một chủ trương hay một hiện tượng, một biện pháp giữ sức khỏe... nào đó, đồng bào có biết tới từ, cụm từ liên quan là chỉ dấu. dấu hiệu, là cấp độ sơ khai về tác động của thông tin, truyền thông. Mức độ ghi nhớ nhiều hơn là đồng bào có thể kể dài hơn, biết sơ qua về nội dung vấn đề; hiểu rộng hơn và có thể kể lại, vận động người khác...

#### **2.5.3.2. Mức độ hài lòng của công chúng về nội dung, hình thức các ấn phẩm báo, tạp chí**

Mức độ hài lòng về nội dung được thể hiện bằng tỷ lệ nội dung thông tin trên các ấn phẩm báo, tạp chí về nhu cầu thông tin, nhu cầu muốn biết, cần

biết của công chúng. Nhu cầu muốn biết xuất phát từ thực tế, trên cơ sở nhận thức cụ thể của đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, cần có sự phân biệt về nhu cầu cần biết của đồng bào. Hạn chế về nhận thức, điều kiện thực tế dẫn đến việc công chúng vùng dân tộc thiểu số và miền núi có thể chưa nhận thức được điều gì là điều cần biết, phải biết. Trong trường hợp này, chủ thể truyền thông (Đảng, Nhà nước, cấp có thẩm quyền) xác định nội dung cần biết.

#### **2.5.4. Mức độ đáp ứng nhu cầu vận dụng thông tin, kiến thức thu được**

Hiệu quả thông tin được đo lường bằng mức độ ứng dụng, vận dụng nội dung thu nhận được vào thực tế cuộc sống; làm giàu vốn hiểu biết, nâng cao nhận thức nền tảng của công chúng.

#### **2.5.3.4. Mức độ lan tỏa thông tin**

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi hạn chế nhiều về khoảng cách, điều kiện địa lý nên sự di chuyển ít hơn đô thị, đồng bằng. Mức độ lan tỏa thông tin càng rộng, càng xa thì hiệu quả truyền thông càng cao.

**Tiểu kết:** Hệ thống hóa các lý thuyết truyền thông liên quan truyền thông phát triển; đưa ra tiêu chí đánh giá về hình thức, nội dung và hiệu quả các ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi để làm thước đo quy chiếu trên thực tiễn khảo sát.

### **Chương 3. THỰC TRẠNG BÁO CẤP CHO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TIẾP CẬN TỪ TRUYỀN THÔNG PHÁT TRIỂN**

#### **3.1. Diện mạo báo in dành cho đồng bào dân tộc và miền núi**

Tháng 01/1991, Bản tin ảnh Dân tộc và Miền núi ra số đầu tiên. Đây cũng là tờ báo đầu tiên của cả nước do Thông tấn xã Việt Nam xuất bản, có nội dung chuyên biệt về vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện yêu cầu thông tin phục vụ nhu cầu phát triển của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhiều tờ báo khác lần lượt cho ra các chuyên trang, chuyên đề về Dân tộc và Miền núi.

Bắt đầu từ năm 1991, Thủ tướng Chính phủ quyết định cấp phát miễn phí ấn phẩm báo in cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Tiếp nối chủ trương này, Thủ tướng Chính phủ liên tục ban hành các quyết định về việc cấp các ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, như: Quyết định 2472/QĐ-TTg, ngày 28/12/2011 và

Quyết định 1977/QĐ – TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2, Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/ 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số sản phẩm thông tin báo, tạp chí cho vùng DTTS & MN, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015, Quyết định 633/QĐ-TTg ngày 19/4/2016, Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 16/01/2017. Ngày 03/4/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 45/QĐ-TTg về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019 – 2021.

### **3.2.1. Tần suất thông tin tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.**

Tần suất thông tin về các chủ trương, chính sách, pháp luật về kinh tế được thông tin nhiều trên các ấn phẩm báo, tạp chí. Số tin, bài tuyên truyền chủ trương, chính sách kinh tế chiếm tỷ lệ cao nhất 38,81%, khoảng cách chênh lệch nhiều so với chính sách pháp luật đứng tiếp sau chỉ chiếm 7,91%.

Nội dung thông tin về chính sách chung và chính sách dành riêng cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi không chênh lệch nhiều: Chính sách chung chiếm 48,24% và chính sách riêng DTTS chiếm 51,75%. Phần ưu tiên nghiêng về phía các chính sách dành riêng cho vùng DTTS và miền núi không chỉ thể hiện ở tỷ lệ chênh lệch, mà còn thể hiện ở chỗ, chính sách riêng có những chính sách về khoa học, giáo dục, y

**3.2.2. Tần suất thông tin về phát triển kinh tế, tiềm năng phát triển kinh tế của vùng dân tộc thiểu số và miền núi:** Trong tổng số 2.642 tin bài thông tin kinh tế: Tỷ lệ tin bài thông tin chỉ dẫn, kết nối làm kinh tế là 973 chiếm 36,82%; thành tựu kinh tế vùng dân tộc và miền núi 17,75 (469); thông tin tiềm năng kinh tế vùng dân tộc và miền núi 17,86% (472); dự báo kinh tế 9,87% (261).

### **3.2.3. Tần suất thông tin về bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số và miền núi.**

Thông tin về văn hóa, bảo tồn văn hóa các dân tộc chiếm 17,33% tổng số nội dung thông tin trên 19 ấn phẩm báo, tạp chí in cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Thông tin về văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể có sự chênh lệch đáng kể. Thông tin về văn hóa vật thể có tỷ lệ 21,34% (531), văn hóa phi vật thể 78,65% (1.957).



Tỷ lệ thông tin về văn hóa các dân tộc cũng chênh lệch: Nhóm các dân tộc Mông, Thái, Tày Nùng có tỷ lệ cao nhất

#### **3.2.4. Tần suất thông tin về khoa giáo**

Thông tin về y tế, chăm sóc sức khỏe chiếm tỷ lệ cao nhất 52,34% (1.576); thông tin giáo dục chiếm 26,30% (792); thông tin khoa học - kỹ thuật chiếm 21,35% (643).

Thông tin hướng dẫn cách phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe chiếm tỷ lệ cao, vượt xa các nội dung thông tin trong mảng y tế cũng như trong tất cả các mảng nội dung khoa giáo khác (1.027 tin, bài chiếm 34,10% so với tổng số tin, bài khoa giáo; chiếm 65,16% so với tin, bài mảng y tế, sức khỏe).

#### **3.2.5. Tần suất thông tin về bảo vệ môi trường**

Thông tin bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ ít nhất trong tổng số tin, bài của 19 ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi năm 2019, chỉ có 6,51%.

Tin, bài phản ánh, thông tin về thành tựu bảo vệ môi trường, giữ gìn môi trường chiếm tỷ lệ nhiều so với tổng số tin, bài về môi trường: 37,11% (347). Phản ánh môi trường sống vùng đồng bào dân tộc miền (ăn ở, sinh hoạt...) là nội dung có tần suất tin, bài đứng thứ 2 trong nhóm, chiếm 26,63% (249). Thông tin chỉ dẫn cách bảo vệ môi trường chiếm 23,85% (223). Tần suất thấp nhất là tin, bài có nội dung lên án, đấu tranh với các hành vi phá hoại, gây tác hại môi trường 12,40% (116).

#### **3.2.6. Thông tin về an ninh trật tự, an toàn xã hội**

Thông tin về tình hình an ninh trật tự chiếm tỷ lệ lớn trong nhóm thông tin về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, chiếm 70,63%.

Thông tin hướng dẫn giữ gìn an ninh trật tự 26,74%.

Thông tin đấu tranh hành vi lợi dụng tự do tín ngưỡng, tự do dân chủ, gây chia rẽ dân tộc có tần suất quá ít 2,60%.

**3.2.7. Tần suất thông tin về gương điển hình** có 1.162 tin, bài có nội dung thông tin về gương điển hình; chủ yếu có các chủ đề: Gương điển hình làm kinh tế, giàu chân chính (550); điển hình hỗ trợ cộng đồng, đoàn kết các dân tộc (723); gương bảo tồn văn hóa dân tộc (216); điển hình học tập, rèn luyện tốt (172).

### **3.3. Nội dung thông tin trên các ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

### **3.3.1. Thông tin tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước**

Các ấn phẩm dành nhiều diện tích để thông tin các chủ trương, đường lối, chính sách mới của Đảng, Nhà nước và Chính phủ đến đồng bào bằng các tin, bài viết có thể phân thành 03 nhóm nội dung: Chính sách kinh tế, pháp luật, và các lĩnh vực khác; riêng chính sách dành cho vùng DTTS&MN có chính sách về khoa giáo.

Đối với chính sách chung, chủ yếu các ấn phẩm thông tin bằng cách đưa tin hội nghị, hội thảo, tổng kết thực hiện chính sách... Bằng cách này, các nội dung về chính sách được chuyển tải tới đồng bào dưới dạng thông tin về thành tựu đạt được, có thể làm cho đồng bào nhớ được tên chính sách, những lợi ích của chính sách hoặc có thể biết được quy định pháp luật bằng cách nhớ rằng, nếu hành động thế này sẽ là vi phạm pháp luật.

### **3.3.2. Thông tin về phát triển kinh tế, tiềm năng phát triển kinh tế của vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

- Thông tin về thực trạng đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội, giới thiệu những thành tựu và chỉ ra những khó khăn, bất cập của các địa phương vùng dân tộc thiểu số và miền núi có ý nghĩa rất to lớn trong sự nghiệp phát triển bền vững. Chỉ dẫn sinh kế cho người dân phát triển kinh tế gia đình. Thông tin về tiềm năng kinh tế của vùng DTTS&MN, hướng dẫn đồng bào dân tộc được đăng tải khá nhiều, tập trung nhiều theo hướng khai thác du lịch.

### **3.3.3. Thông tin về bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số và miền núi**

Văn hóa vật chất và phi vật chất đều được quan tâm, phản ánh trong các ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

### **3.3.4. Thông tin về khoa giáo**

Thông tin về y tế, khoa học và giáo dục là những thông tin cần thiết đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đồng bào cần biết cách chăm sóc sức khỏe khoa học, phòng chống bệnh tật; biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống, sản xuất; nâng cao nhận thức về giáo dục con cái trong gia đình... Đó chính là những nội dung chủ yếu về khoa giáo đăng tải trên các ấn phẩm cấp cho vùng DTTS&MN.

### **3.3.5. Thông tin về bảo vệ môi trường**

Thông tin về kết quả, thành tựu tác bảo vệ môi trường ở vùng DTTS&MN. Thông tin đơn thuần đem tới cho đồng bào vùng DTTS&MN

khái niệm đơn giản, ghi nhớ những cụm từ liên quan tới việc bảo vệ môi trường.

### **3.4. Hình thức chuyển tải thông tin trên các ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

Các ấn phẩm cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi chủ yếu sử dụng thể loại bài phản ánh, tin ngắn và ảnh để công chúng dễ hiểu, có thể làm theo.

**Tiểu kết:** Việc tiếp cận với báo in của bà con các vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, rào cản, hạn chế. Đề án “Cấp phát báo miễn phí cho đồng bào dân tộc” của Chính phủ là một chủ trương lớn, đúng đắn, hợp lòng dân. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai vẫn còn nhiều bất cập; đặc biệt là nội dung, cách thức tuyên truyền còn hạn chế, chưa phù hợp với đối tượng công chúng vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

## **Chương 4. VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO IN CẤP CHO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

### **4.1. Đánh giá thành công, hạn chế của báo in cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

#### **4.1.1. Thành công**

Các sản phẩm thông tin phục vụ đồng bào DTTS & MN đã cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho đồng bào DTTS & MN, góp phần giữ vững ổn định chính trị và động viên đồng bào DTTS yên tâm lao động, sản xuất.

Việc cung cấp các ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn đã có những tác động tích cực vào việc nâng cao nhận thức cho đồng bào vùng DTTS và miền núi; phản ánh kịp thời gương người tốt, việc tốt, nêu gương những mô hình làm kinh tế giỏi, giúp các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo...

#### **4.1.2. Hạn chế**

Mặc dù vậy, công tác thông tin phục vụ đồng bào DTTS & MN vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, hiệu quả thông tin, tuyên truyền chưa được như mong đợi, một phần do trình độ dân trí và khả năng tiếp cận thông tin của đồng bào DTTS & MN vẫn còn hạn chế, một phần do một số sản phẩm thông tin vẫn chưa đánh đúng vào nhu cầu và thị hiếu của các độc giả đặc biệt này.

Cách trình bày báo thường không có điểm nhấn. Hệ thống chuyên trang, chuyên mục cũng không có bản sắc riêng cho tờ báo phục vụ đồng bào miền núi và dân tộc thiểu số.

## **4.2. Những vấn đề đặt ra đối với báo in cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

### **4.2.1. Điều kiện tiếp cận thông tin của đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

Hạn chế do điều kiện địa lý, điều kiện xã hội. Nếu không hiểu đúng và đầy đủ vấn đề, người dân không thực hiện theo các chủ trương, chính sách đề ra, hoặc có thể có những hành vi vi phạm, gây hậu quả xấu một cách vô ý thức, nghiêm trọng hơn, có thể tạo điều kiện cho kẻ xấu lợi dụng, xuyên tạc, gây chia rẽ dân tộc, mất ổn định khu vực

### **4.2.2. Nhận thức của công chúng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về chính trị - kinh tế - xã hội phục vụ phát triển bền vững**

Lợi dụng những đặc điểm, khó khăn nêu trên, các thế lực thù địch, đối tượng phản cách thường tác động, gây chia rẽ, gây mất đoàn kết giữa các dân tộc bằng thủ đoạn xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tôn giáo hóa vùng dân tộc mà thực chất là thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình...

### **4.2.3. Đánh giá của công chúng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về báo in cấp miễn phí.**

Những người biết được chủ trương về việc cấp báo chí miễn phí đều cho rằng đây là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước dành cho đồng bào các dân tộc thiểu số và đánh giá cao hiệu quả mà chương trình này mang lại.

## **4.3. Giải pháp nâng cao chất lượng báo in cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

- Về đầu tư tài chính: Cấp kinh phí đủ để tác nghiệp ở vùng cao...
- Về đào tạo, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho người làm báo chuyên nghiệp xuất bản ấn phẩm dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Khảo sát nhu cầu công chúng để thông tin sát thực tế và nhu cầu đồng bào, đặc biệt là xây dựng, phát triển kinh tế.
- Đầu tư cho khâu phát hành ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

#### **4.4. Một số đề xuất, khuyến nghị**

**Đối với các cơ quan báo chí trung ương:**

**Đối với báo Nhân dân:**

Báo Nhân dân cần tận dụng và khai thác tốt lợi thế, trở thành tờ báo đi đầu trong việc thông tin tuyên truyền nhanh chóng, kịp thời, toàn diện những chủ trương, đường lối của Đảng, nhà nước, thực sự là cầu nối giữa Đảng và dân. Về hình thức, báo Nhân dân cần sử dụng phong phú hơn nữa các thể loại báo chí nhất là thể loại phỏng vấn, các bài phân tích, phản biện xã hội giúp tăng cường hiệu quả thông tin.

**Đối với báo Dân tộc và Phát triển**

Cần đầu tư hơn cả nội dung, hình thức, bám sát hơn với đời sống sinh hoạt của đồng bào các dân tộc thiểu số. Có nhiều bài viết về kinh nghiệm giữ gìn bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc trước xu thế “đồng hoá”, giao lưu văn hoá ngày càng mở rộng và phát triển như hiện nay. Về hình thức báo nên sử dụng chất liệu giấy đẹp, in nhiều ảnh, và sử dụng cỡ chữ to hơn.

**Đối với các cơ quan báo chí địa phương:**

Các báo địa phương cần đẩy mạnh thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước đối với vấn đề phát triển vùng, liên kết hợp tác phát triển giữa các tỉnh trong vùng; bám sát được tình hình địa phương do đó các báo cần tăng cường hơn nữa các tin, bài thông tin về việc thực hiện, vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước vào cuộc sống. Về hình thức, các báo địa phương cần đẩy mạnh hơn nữa việc sử dụng các thể loại báo chí nhất là bài phỏng vấn. Thay đổi về thiết kế và trình bày báo để hấp dẫn hơn công chúng độc giả.

**Đối với các cơ sở đào tạo báo chí truyền thông**

Cần tổ chức các chương trình đào tạo chính quy và phi chính quy về truyền thông dân tộc.

**Về quy trình sản xuất**

Nâng cao chất lượng thông tin trên các sản phẩm thông tin phù hợp với nhu cầu của đồng bào DTTS & MN và đưa các sản phẩm thông tin này đến tận tay người đọc là hai vấn đề cốt lõi trong việc nâng cao hiệu quả của công tác truyền tải và tiếp cận thông tin vùng đồng bào DTTS & MN. Chỉ khi giải quyết tốt hai vấn đề này, nhiệm vụ truyền tải thông tin tới đồng bào DTTS & MN mới được coi là hoàn thành. Do vậy, cần phải nâng cao hiệu quả công tác phát hành. Cụ thể:

- Phối hợp với các đơn vị phát hành và UBND các xã, thị trấn ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa được Nhà nước cấp phát báo miễn phí để rà soát lại hoạt động phát hành, từ đó phát hiện ra các tồn tại và nguyên nhân để kịp thời đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm chuyển báo đến tay đồng bào một cách nhanh chóng và kịp thời nhất.

- Xây dựng phương án hợp tác với các nhà in ở các địa bàn tập trung đông đồng bào dân tộc để in các sản phẩm thông tin ngay tại chỗ nhằm rút ngắn thời gian phát hành và đưa báo nhanh hơn tới đồng bào DTTS & MN.

Tăng lượng ngôn ngữ giàu hình ảnh, biểu đạt cảm xúc: Các tác phẩm báo chí không chỉ đưa thông tin về các sự kiện, mà còn phải thể hiện công khai thái độ của tác giả đối với sự kiện.

## **4.5. Các khuyến nghị**

### **4.5.1. Về tài chính**

Việc phát triển các sản phẩm thông tin mới bằng tiếng dân tộc và sản xuất các bản tin bằng tiếng dân tộc trên truyền hình đòi hỏi nguồn kinh phí rất lớn. Do vậy, cùng với các nỗ lực nâng cao chất lượng thông tin trên các sản phẩm thông tin của các cơ quan báo chí, Chính phủ cần có một cơ chế tài chính riêng để thực hiện nhiệm vụ chính trị là thông tin về vùng DTTS & MN và phát hành các sản phẩm thông tin này đến tận tay các độc giả ở vùng đồng bào DTTS & MN. Cụ thể:

- + Cấp kinh phí hàng năm để thực hiện nhiệm vụ chính trị này.
- + Có những chương trình riêng trong việc cấp phát báo cho đồng bào.

### **4.5.2. Về cơ chế phối hợp**

Để báo chí có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, các bộ, ngành, địa phương, các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ cần chủ động và ưu tiên cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, chính xác cho báo chí theo đúng quy định Luật Báo chí về quyền và nghĩa vụ cung cấp thông tin cho báo chí của các tổ chức, và các quy định liên quan. Khi có các vấn đề, sự kiện phát sinh, các bộ, ngành, địa phương và các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ cần chủ động phối hợp với cơ quan quản lý, cơ quan chỉ đạo thông tin trong thực hiện thông tin phản hồi, bác bỏ những thông tin có dụng ý xuyên tạc, những thông tin không phù hợp với lợi ích quốc gia, cải chính những thông tin sai lệch với những quan điểm chính thống của Đảng và Nhà nước.

### **4.5.3. Về cải thiện khả năng tiếp cận thông tin của đồng bào DTTS & MN**

Cùng với các nỗ lực nâng cao chất lượng thông tin phục vụ đồng bào DTTS & MN của các cơ quan báo chí, Nhà nước cần có các giải pháp cải thiện khả năng tiếp cận thông tin của đồng bào DTTS & MN, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác thông tin phục vụ các đối tượng đặc biệt này. Một trong những giải pháp quan trọng để cải thiện khả năng tiếp cận thông tin của đồng bào DTTS & MN là tiếp tục và mở rộng việc cấp báo miễn phí cho đồng bào.

Việc cấp phát không thu tiền các sản phẩm thông tin báo, tạp chí cho đồng bào DTTS & MN là chủ trương đúng đắn, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đến đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào, giúp đồng bào nắm bắt kịp thời chủ trương, chính sách của Nhà nước, thay đổi nhận thức, nâng cao dân trí và trình độ sản xuất. Chính vì vậy, Chính phủ cần tiếp tục duy trì và mở rộng chương trình này.

Cùng với chương trình phát báo miễn phí, Nhà nước cần đẩy mạnh chương trình trợ giá cho đồng bào DTTS & MN mua tivi và radio; tiếp tục đầu tư để đưa điện lưới quốc gia tới các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa; cải thiện quy mô phủ sóng của đài phát thanh và truyền hình.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần tiếp tục phát triển và cải thiện chất lượng đội ngũ tuyên truyền viên ở vùng đồng bào DTTS & MN, nhất là các tuyên truyền viên có khả năng nói tiếng dân tộc; cấp báo, tạp chí miễn phí cho đội ngũ tuyên truyền viên để sau đó, những người này sẽ truyền tải thông tin cho những người khác trong cộng đồng DTTS thông qua hệ thống phát thanh, các buổi nói chuyện hoặc các buổi gặp gỡ tại các địa điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

## KẾT LUẬN

Bắt đầu từ năm 1991, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý tiến hành cấp phát miễn phí 5 ấn phẩm báo in cho các địa phương thuộc vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Đến năm 2006, thực hiện Quyết định 975/QĐ-TTg, ngày 20/7/2006, danh sách các báo, tạp chí cấp phát miễn phí nâng lên thành 24 ấn phẩm của 17 cơ quan báo chí. Nhằm tăng cường tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng dân tộc thiểu số, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 45/QĐ-TTg cấp báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số. heo đó, trong giai đoạn 2019 - 2021, cấp 01 Báo, 01 Tạp chí và 17 chuyên đề về dân tộc và miền núi của các Báo cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Cụ thể: Cấp Báo Dân tộc và Phát triển cho UBND xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III và chùa Khmer mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ. Cấp Tạp chí Dân tộc cho UBND xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi mỗi đơn vị 01 tờ/kỳ; Cấp cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số chuyên trang “Dân tộc thiểu số và miền núi” trên Báo Nhân dân mỗi người 01 tờ/kỳ; Cấp cho HĐND xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Đại biểu nhân dân mỗi đơn vị 01 tờ/ kỳ...

Chính sách cấp báo miễn phí cho vùng Dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn" trong 15 năm qua được đông đảo bà con đón nhận và đem lại những hiệu quả nhất định.

Những thông tin và hình ảnh đến với đồng bào đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần ngăn chặn những luận điệu tuyên truyền phản cách mạng, giúp cho đồng bào nêu cao cảnh giác và phân biệt rõ những vấn đề tiêu cực nảy sinh trong cuộc sống của đồng bào dân tộc, củng cố tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Người dân nắm được nhiều thông tin bổ ích qua báo cũng đã có thêm nhiều kinh nghiệm hay, áp dụng vào cuộc sống, nâng cao hiểu biết của mình, cùng thi đua thực hiện các chương trình như: xây dựng nông thôn mới; học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... Đặc biệt, sau khi nắm được những thông tin thời sự, kinh nghiệm sản xuất, phát triển kinh tế, đặc biệt là những chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, những người được nhận báo miễn phí có thể phổ biến tới bà con trong các buổi họp thôn.



Bên cạnh đó, những ấn phẩm này còn là tài liệu hướng dẫn, tập huấn, phổ biến khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất, chăm sóc sức khỏe rất thiết thực đối với đồng bào.

Trong đó, các cơ quan báo chí, nhất là các ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho đồng bào DTTS, đóng một vai trò quan trọng trong công tác truyền thông Đặc biệt, các ấn phẩm báo, tạp chí luôn đồng hành trong các chương trình xóa đói, giảm nghèo của cả nước nói chung, vùng DTTS và miền núi nói riêng.

Việc tuyên truyền về giảm nghèo đã được thực hiện một cách đồng bộ, có trọng tâm, đa dạng về phương thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo ở các vùng khó khăn... Nhờ đó, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Nhân dân, các cấp chính quyền, đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình giảm nghèo, khơi dậy ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo... Trên hầu khắp các mặt báo, những vấn đề liên quan đến công tác giảm nghèo, nguyên nhân nghèo đói, những bất cập về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực giảm nghèo, những tấm gương đã thoát nghèo luôn được dành thời lượng. Qua đó góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nhân dân, các cấp chính quyền, đoàn thể trong việc xây dựng chủ trương, chính sách, chương trình giảm nghèo, khơi dậy ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo.

Nhiều cơ quan báo chí đã thực hiện tốt vai trò và chức năng giám sát, phản biện chính sách thông qua báo chí. Từ việc xây dựng chính sách, báo chí đã lấy ý kiến người dân, chuyên gia, doanh nghiệp..., đóng góp ý kiến, hiến kế cũng như phản biện trước khi hoàn thiện các văn bản chính sách. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách giảm nghèo, đã được người dân đóng góp ý kiến phản biện rộng rãi, tích cực. Bên cạnh đó, nhiều chính sách đi vào thực thi có những bất cập cũng được Nhân dân phản biện qua các kênh thông tin báo chí.

Tuy nhiên, việc cấp, phát báo miễn phí nhiều năm nay được chú trọng triển khai, tuy nhiên vẫn chưa phát huy được hết hiệu quả, vì địa bàn vùng dân tộc miền núi, nhiều nơi đi lại rất khó khăn, bưu tá không thể đến đưa báo trực tiếp ngay được, dẫn đến thông tin truyền tải không kịp thời; có cơ sở

chưa có nhà họp thôn, nên việc phổ biến báo, tạp trí đến người dân còn nhiều hạn chế; số lượng đầu báo được cấp phát nhiều, có địa phương không quản lý được, công tác phối hợp chưa nhịp nhàng; Trình độ dân trí của một bộ phận người dân chưa cao, nên việc tiếp thu thông tin từ báo chí bị giới hạn, họ không biết chữ nên không thể đọc và hiểu được.

Nội dung và hình thức chuyển tải thông tin của các ấn phẩm báo chí dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng còn nhiều bất cập.

Luận án đã nghiên cứu, khảo sát các ấn phẩm báo chí được cấp miễn phí cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chỉ ra những thành công, hạn chế, nguyên nhân thành công và hạn chế, từ đó, đề xuất các giải pháp cụ thể, thiết thực cho các cơ quan lãnh đạo quản lý báo chí, các cơ quan báo chí trung ương và địa phương, để nâng cao hơn nữa chất lượng ấn phẩm báo chí dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần hỗ trợ giúp các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thực sự đi vào cuộc sống.

Các cơ quan báo chí cần coi trọng công tác tuyên truyền giữ gìn, phát huy, tôn vinh các giá trị truyền thống về bản sắc văn hóa trong cộng đồng các dân tộc, nhất là các DTTS, dân tộc rất ít người. Trong lĩnh vực tuyên truyền công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, thì làm báo, viết báo về đồng bào, cho đồng bào dân tộc và miền núi có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng.

Thực tiễn cho thấy, khi đồng bào nghe, đồng bào hiểu, đồng bào thấy, đồng bào tin thì sẽ có sức cuốn hút, thúc giục hành động, tạo nên sức mạnh trong cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, xóa đói giảm nghèo, tăng cường củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, giữ vững sự ổn định, an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn...

Vì vậy, làm báo về đồng bào, cho đồng bào DTTS, sao cho đồng bào dễ hiểu, dễ đọc, dễ thấy, dễ nhìn, dễ làm theo, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, xóa đói giảm nghèo bền vững, củng cố tăng cường vững chắc quốc phòng, an ninh... Nội dung thông tin tuyên truyền cho đồng bào DTTS phải đáp ứng ba yếu tố trọng tâm: Đúng, trúng, hay. Tuy nhiên, để đạt được ba yếu tố trên, thì ngôn ngữ tác phẩm báo chí phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ đọc,

dễ hiểu. Hạn chế sử dụng ngôn ngữ vay mượn, sử dụng tiếng nước ngoài; hạn chế viết tắt. Hình ảnh phải sinh động, gắn liền với cuộc sống của đồng bào DTTS, miền núi thông qua các hoạt động văn hóa, lao động sản xuất... Hết sức tránh sử dụng những từ ngữ gây hiểu nhầm, kỳ thị dân tộc ... Tất cả các yếu tố trên sẽ góp phần phát huy hiệu quả của các tờ báo trong nỗ lực kết nối cộng đồng, hỗ trợ hiệu quả vùng đồng bào DTTS...

Luận án đã mạnh dạn nêu xuất những giải pháp, kiến nghị đối với các cấp có thẩm quyền liên quan chính sách cấp báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đặc biệt là nâng cao chất lượng nội dung, chất lượng hình thức và hiệu quả của các ấn phẩm.